

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Khanh, ông Muth So Ny.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 350/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phụng H, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ 02, khóm X, phường T, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiên Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 02, khóm X, phường T, tỉnh A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Phụng H xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Tiên Đ, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Phụng H trình bày, qua quá trình tìm hiểu nên bà Lê Thị Phụng H và ông Nguyễn Tiên Đ quyết định tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh A (Nay là phường T, tỉnh A), quyển số 17, ngày 13/3/2025. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Lê Thị Phụng H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tiên Đ.

Bà Lê Thị Phụng H và ông Nguyễn Tiên Đ có 01 con chung tên Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015. Khi ly hôn, bà Lê Thị Phụng H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; không yêu cầu ông Nguyễn Tiên Đ cấp dưỡng; Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Lê Thị Phụng H (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Nguyễn Lê Tú V (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và Bản tự khai (bản chính).

- Bị đơn ông Nguyễn Tiên Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Phụng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiên Đ. Đồng thời, ông Nguyễn Tiên Đ cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh A (nay là phường T, tỉnh A). Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: bà Lê Thị Phụng H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Tiên Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không lý do. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Phụng H và ông Nguyễn Tiên Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Phụng H và ông Nguyễn Tiên Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Lê Thị Phụng H xác định, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà Lê Thị Phụng

H và ông Nguyễn Tiên Đ không còn tình cảm. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Tiên Đ nhưng ông Nguyễn Tiên Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Phụng H. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Phụng H và ông Nguyễn Tiên Đ là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Phụng H đối với ông Nguyễn Tiên Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Phụng H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015. Bà Lê Thị Phụng H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015, hiện nay đang sinh sống với bà H và cháu trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, phù hợp với yêu cầu của bà H. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, nên giao cháu Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015 cho bà Lê Thị Phụng H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Lê Thị Phụng H không yêu cầu ông Nguyễn Tiên Đ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Phụng H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Phụng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Tiên Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phụng H.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Phụng H được ly hôn với ông Nguyễn Tiên Đ.

2. Về con chung:

Lê Thị Phụng H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Tú V, sinh ngày 12/02/2015. Ông Nguyễn Tiên Đ không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Phụng H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Tiên Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Phượng H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011934 do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - An Giang), cấp ngày 28 tháng 10 năm 2024; bà Lê Thị Phượng H đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Tiên Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 14 – An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 14 - An Giang (1);
- UBND phường Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ